

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm mạnh vào cuối phiên

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm theo diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

DIG, HPG

[Cập nhật công ty]

NT2, NKG

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng trong các nhịp hồi sớm và khống chế tỷ trọng ở mức an toàn, tương ứng với mức độ chấp nhận rủi ro

09/09/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIIndex	1,248.78	+1.15
VN30	1,275.64	+0.80
HĐTL VN30F1M	1,275.00	+0.86
HNXIndex	284.63	+0.88
HNX30	511.66	+1.49
UPCoM	90.64	+0.37
USD/VND	23,544	-0.00
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.67	-1
Lãi suất qua đêm (%)	4.72	-58
Dầu (WTI, \$)	84.92	+1.65
Vàng (LME, \$)	1,728.71	+1.19



Điểm nhấn thị trường

VNIndex	1,248.78 (+1.15%)
KLGD (triệu CP)	586.0 (+12.1%)
GTGD (triệu US\$)	586.1 (-4.3%)
HNXIndex	284.63 (+0.88%)
KLGD (triệu CP)	175.3 (+118.1%)
GTGD (triệu US\$)	56.4 (-9.4%)
UPCoM	90.64 (+0.37%)
KLGD (triệu CP)	64.7 (+41.7%)
GTGD (triệu US\$)	26.7 (-4.3%)
NĐTNN mua ròng (triệu US\$)	+7.6

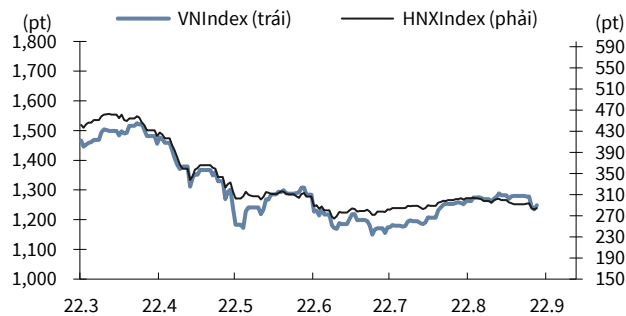
TTCK Việt Nam tăng điểm mạnh vào cuối phiên trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn với thanh khoản thị trường đi ngang. Khối ngoại tiếp tục mua ròng ở HPG (+3%), VIC (+2.4%), VND (+2%).

ECB tăng lãi suất thêm 75 điểm cơ bản, tương đương 0,75 điểm phần trăm - mức nâng lãi suất mạnh kỷ lục trên toàn khu vực đồng euro.

Tổng cục Ngoại Thương Ấn Độ ban hành quyết định cấm xuất khẩu gạo tấm và áp thuế xuất khẩu 20% đối với một số loại thóc gạo, quyết định có hiệu lực kể từ ngày 09/9/2022. Việc Ấn Độ là quốc gia xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới dự báo có thể khiến giá gạo toàn cầu tăng. Thông tin trên tác động tích cực đến cổ phiếu nhóm gạo ở TAR (+2.8%), LTG (+1.7%).

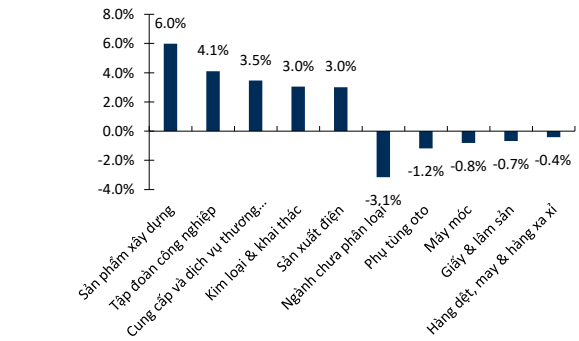
Tập đoàn Hòa Phát thông báo sản lượng bán hàng tháng 8 đạt 628,000 tấn thép các loại, tăng 19% so với tháng 7 giúp cổ phiếu Hòa Phát tăng giá HPG (+3%), kéo theo sự tăng giá cổ phiếu cùng ngành như NKG (+5.5%), HSG (+3.4%).

VNIndex & HNXIndex



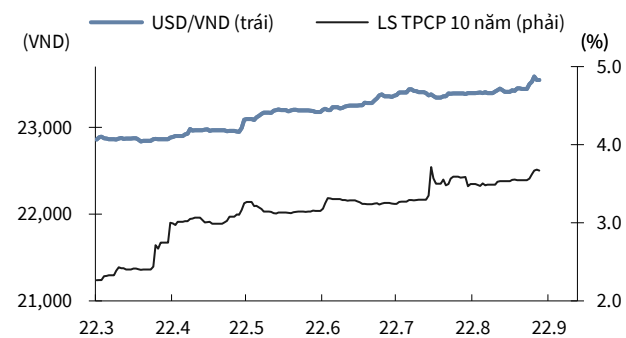
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



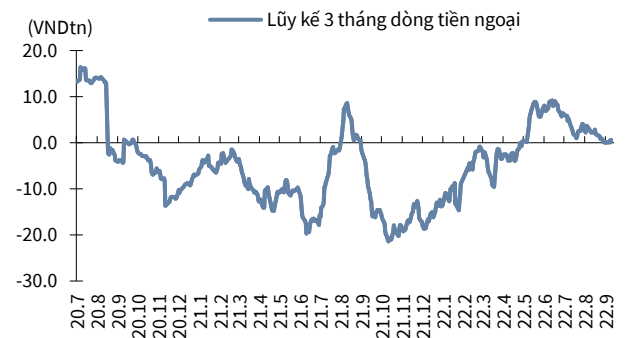
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

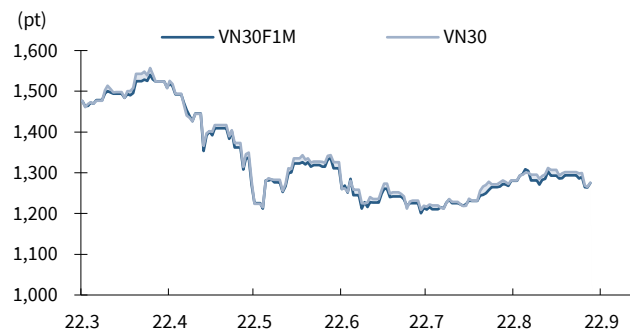
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,275.64 (+0.80%)
VN30F1M	1,275.0 (+0.86%)
Mở cửa	1,269.0
Cao nhất	1,275.0
Thấp nhất	1,259.2

Các HĐTL giảm điểm theo diễn biến của thị trường cơ sở trước sự dẫn dắt của nhóm vốn hoá lớn. Chênh lệch F2209 và chỉ số VN30 mở cửa cao nhất phiên ở mức + 3.8 điểm, sau đó biến động giằng co trong phiên, trước khi đóng cửa ở mức - 0.64 điểm. Khối lượng giao dịch giảm mạnh.

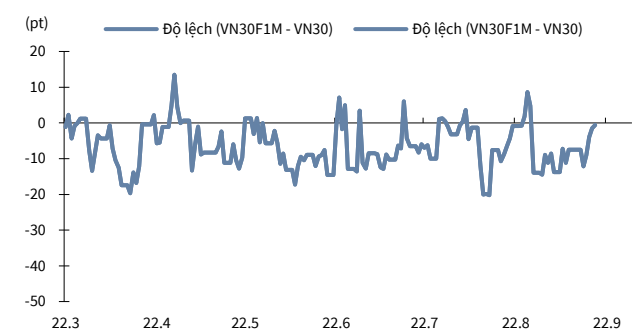
KLGD (HĐ)	252,721 (-16.1%)
------------------	-------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



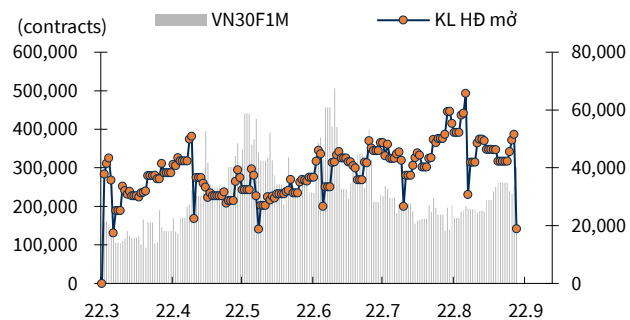
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



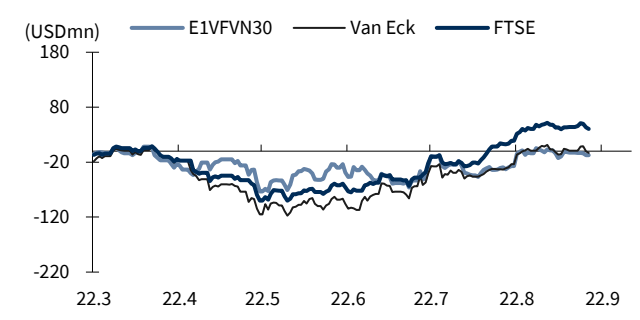
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

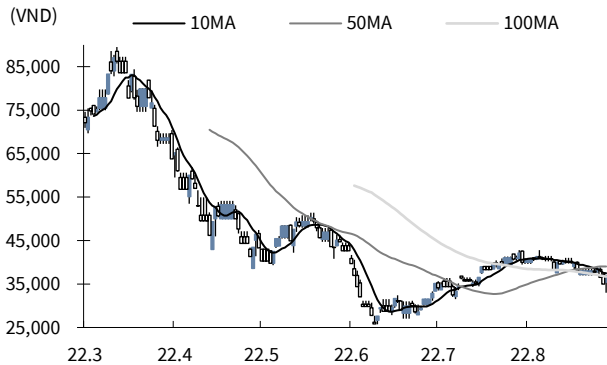
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Tổng CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng (DIG)

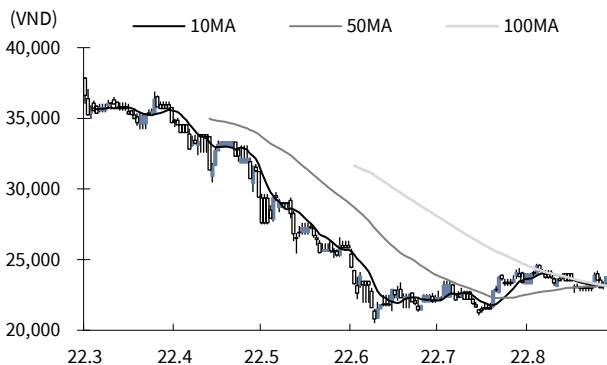


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DIG tăng 5.71% lên 37,000 VND/cp

- DIC Corp thông qua việc góp vốn thành lập công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Đô thị & Khu công nghiệp DIC (DIC-Urbiz) có vốn điều lệ dự kiến 50 tỷ đồng để quản lý, đầu tư và khai thác, kinh doanh các dự án khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao...

CTCP Tập đoàn Hòa Phát (HPG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HPG tăng 3.03% lên 23,800 VND/cp

- Tập đoàn Hòa Phát thông báo sản lượng bán hàng tháng 8 đạt 628,000 tấn thép các loại, tăng 19% so với tháng 7 và tương đương cùng kỳ năm trước. Trong đó, thép xây dựng đạt 386,000 tấn (+44% YoY) và tăng nhẹ so với tháng trước, HRC đạt 233,000 tấn, tăng 56% so với tháng 7 nhưng giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Điện lực dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2)

Tiếp tục tăng trưởng tích cực trong 2H2022

Chuyên viên phân tích - Tiêu Phan Thanh Quang
quangtpt@kbsec.com.vn

09/09/2022

Doanh thu và lợi nhuận sau thuế Quý 2/2022 tăng trưởng vượt trội 66.3% YoY và 14.6x YoY

Trong Quý 2/2022, KQKD của NT2 ghi nhận mức tăng trưởng cao với Doanh thu và LNST đạt lần lượt 2,688 tỷ VNĐ (+66.2% YoY) và 365 tỷ VNĐ (+14.6x YoY). Sản lượng điện thương phẩm tăng trưởng trong Quý 2/2022, đạt 1,184.4 triệu kWh (+26.3% YoY) nhờ vào nhu cầu tiêu thụ điện hồi phục và NT2 được tăng cường huy động để bù đắp cho nhiệt điện Cà Mau 1&2 thiếu khí vận hành.

KQKD 2H/2022 tiếp tục khả quan do nhu cầu điện phục hồi so với cùng kỳ

Chúng tôi cho rằng với việc nhu cầu điện toàn quốc phục hồi, đặc biệt là khu vực miền Nam sẽ tiếp tục là động lực tăng trưởng cho các nhà máy điện tại khu vực này và cho cả NT2, do đó sản lượng 2H2022 và cả năm 2022 sẽ lần lượt đạt 2,031 triệu kWh (+45% YoY) và 4,205 triệu kWh (+31.6% YoY) nhờ vào nhu cầu tiếp tục hồi phục so với mức nền thấp của 2H2021 do giãn cách xã hội. Từ sản lượng dự phóng này, chúng tôi ước tính doanh thu và LNST 2022 lần lượt đạt 8,854 tỷ VNĐ (+44% YoY) và 911 tỷ VNĐ (+71% YoY).

Khoản đền bù tỷ giá lớn trong năm 2022 sẽ là động lực ngắn hạn giúp KQKD của NT2 tích cực hơn

Theo như ban lãnh đạo cho biết trong ĐHCĐ, NT2 kì vọng sẽ ghi nhận khoản đền bù tỷ giá từ EVN khoảng 236 tỷ VNĐ trong năm nay. Dựa trên thông tin này chúng tôi cho rằng công ty sẽ ghi nhận lần lượt 200 tỷ cho năm 2022 và 100 tỷ mỗi năm trong 2023 và 2024 trên quan điểm EVN có thể sẽ không hoàn trả hoàn toàn khoản lỗ tỷ giá như công ty kì vọng do gặp khó khăn trong hoạt động kinh doanh. Tổng kết lại, chúng tôi ước tính NT2 sẽ ghi nhận thêm khoảng 188 tỷ từ khoản đền bù tỷ giá này, chiếm khoảng 21% LNST dự phóng năm 2022 của chúng tôi..

Khuyến nghị MUA với giá mục tiêu 35,000 VNĐ/cổ phiếu

Dựa trên định giá FCFF và EV/EBITDA, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu NT2. Giá mục tiêu là 35,000 VNĐ/cổ phiếu, cao hơn 28.4% so với giá tại ngày 08/09/2022.

Mua

Giá mục tiêu

VNĐ 35,000

Tăng/giảm (%)	28.4%
Giá hiện tại (08/09/2022)	VNĐ27,250
Giá mục tiêu thị trường	VNĐ29,900

Dự phóng KQKD & định giá

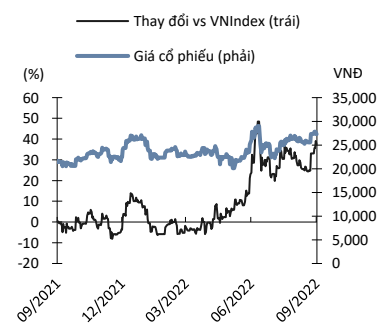
Năm tài chính	2020A	2021A	2022F	2023F
Doanh thu (tỷ VNĐ)	6,082	6,150	8,854	8,870
EBIT	810	593	765	805
LN sau CĐTS	625	534	911	862
EPS (VNĐ)	2,095	1,778	3,164	2,994
Thay đổi EPS (%)	-17.5	-15.1	78.0	-5.0
P/E (x)	10.3	14.2	11.1	11.7
EV/EBITDA (x)	4.6	5.8	6.6	6.0
P/B (x)	1.5	1.7	2.8	2.8
ROE (%)	14.6	12.6	20.3	18.9
Tỷ suất cổ tức (%)	11.6	7.9	7.1	8.6

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	32.3%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ)	48.78
Sở hữu nước ngoài (%)	34.7%
Cổ đông lớn	PV Power (59.4%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
NT2	5.5	8.8	17.6	29.7
VNINDEX	6.3	13.0	41.8	39.1



Nguồn: Bloomberg, KBSV

CTCP Thép Nam Kim (NKG)

Giá thép tác động tiêu cực lên KQKD

Chuyên viên phân tích - Nguyễn Đình Thuận
(+84) 972637293

thuannnd@kbsec.com.vn

08/09/2022

Doanh thu thuần và lợi nhuận 2Q2022 của Nam Kim có diễn biến trái chiều

Doanh thu và LNST 2Q2022 của Nam Kim đạt lần lượt 7,206 tỷ đồng (+2.7% YoY) và 201.4 tỷ đồng (-76.2% YoY). Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng mạnh so với cùng kỳ. Sản lượng xuất khẩu tôn đạt 147,217 tấn (+13.4% YoY), vẫn chiếm tỷ trọng chính trong tiêu thụ thép của NKG. Bên cạnh đó, tiêu thụ tôn và ống thép trong nước giảm do nhu cầu nội địa yếu. Tổng sản lượng tiêu thụ 2Q2022 đạt 222.4 nghìn tấn, giảm nhẹ 2.6% so với cùng kỳ.

Thị trường biến động ảnh hưởng tiêu cực đến triển vọng kết quả kinh doanh của NKG

Giá nguyên liệu đầu vào chính của NKG là HRC đã quay đầu giảm từ tháng 5. Giá HRC Việt Nam trên thị trường giao ngay ngày 5/8 được giao dịch ở mức 605 USD/tấn, tạo áp lực cho NKG phải trích lập chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Giá bán ra của tôn và ống thép nội địa cũng giảm trong bối cảnh nhu cầu tiêu thụ trong nước vẫn còn yếu.

NKG kỳ vọng hưởng lợi từ khủng hoảng năng lượng tại EU

Các nhà máy sản xuất thép tại EU buộc phải giảm sản lượng hoặc đóng cửa do chi phí cho năng lượng quá cao. Nhu cầu tiêu thụ thép tuy đang yếu tại khu vực này nhưng nếu tình trạng khủng hoảng năng lượng tiếp diễn, EU cần tìm nguồn cung tốt hơn từ các quốc gia khác. NKG có thể hưởng lợi nếu cung thép nội địa của khu vực EU sụt giảm.

Chúng tôi khuyến nghị **NẮM GIỮ** cổ phiếu NKG với giá mục tiêu 24,700 VND/CP

Chúng tôi dự phóng doanh thu NKG năm 2022 đạt 25,342 tỷ đồng (-10.2% YoY), lợi nhuận sau thuế đạt 1,203 tỷ (-45.9% YoY). Chúng tôi khuyến nghị **NẮM GIỮ** với giá mục tiêu 24,700 VND/CP, tiềm năng tăng trưởng 10 %.

NẮM GIỮ Bán

Giá mục tiêu 24,700 VND/CP

Tăng/giảm	10%
Giá hiện tại (Sep 7)	22,550 VND
Giá mục tiêu đồng thuận	24,000 VND
Vốn hóa (nghìn tỉ VND/tỉ USD)	5.63/0.24

Dữ liệu giao dịch

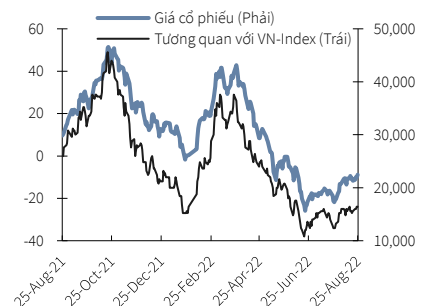
Tỉ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	75%
GTGD TB 3 tháng (tỉ VND/triệu USD)	200/8.54
Sở hữu nước ngoài (%)	6.63%
Cổ đông lớn (%)	Unicoh Specialty Chemicals Co Ltd (5.85%) CTCP Đầu tư Thương mại SMC (4.98%)

Biến động giá cổ phiếu (%)

	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	22	-6	-46	-26
Tương đối	14	-6	-32	-24

Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2019A	2020A	2021A	2022F	2023F
Doanh số thuần (tỷ VND)	12,177	11,560	28,173	25,309	23,011
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	342	870	4,269	2,427	2,047
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)	47	295	2,225	1,203	937
EPS (VND)	258	1,621	10,188	5,508	4,290
Tăng trưởng EPS (%)	-17.6%	528.3%	528.5%	-45.9%	-22.1%
P/E (x)	87.40	13.91	2.21	4.09	5.26
P/B (x)	13.60	12.90	8.60	7.15	6.30
ROE (%)	2%	9%	39%	14%	12%
Tỷ lệ cổ tức tiền mặt (%)	0%	5%	5%	5%	5%



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



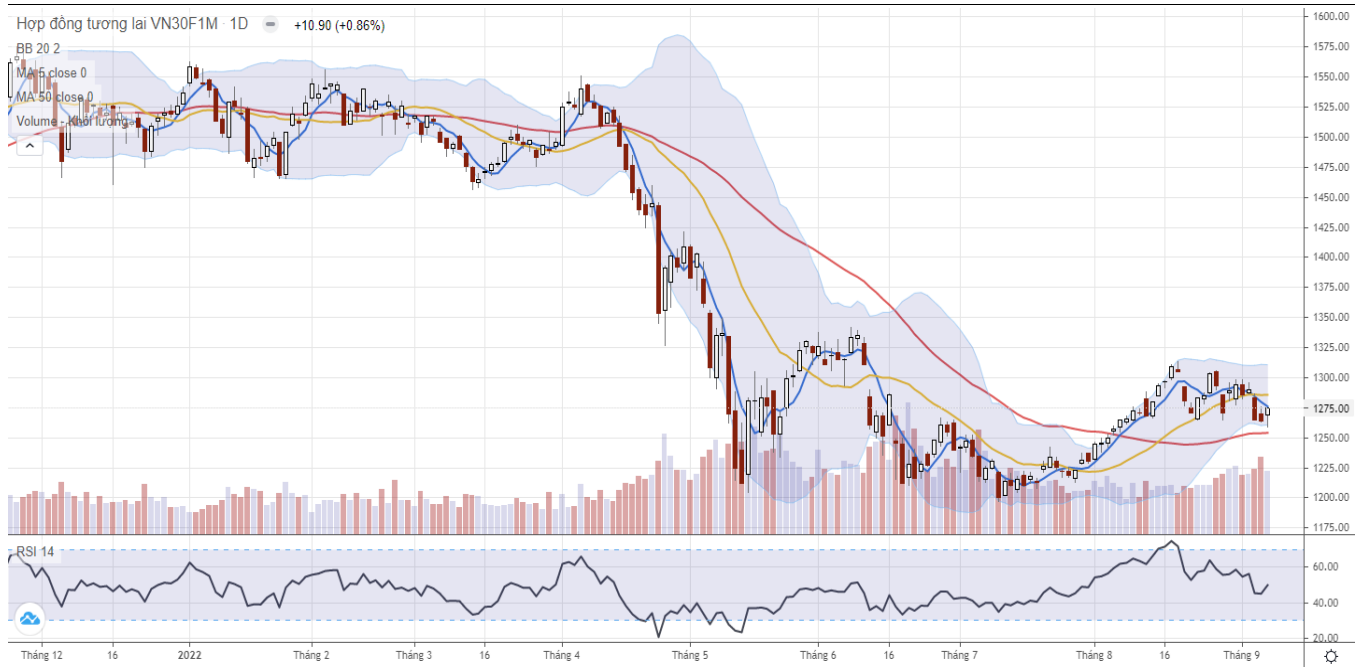
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp tăng điểm giảm co trong biên độ hẹp, VNIndex bất ngờ lao dốc trong phiên trước khi sớm hồi phục và bật tăng mạnh về cuối phiên.
- Sự tiết giảm của bên bán cùng với sự tham gia tích cực của dòng tiền bắt đáy đã giúp cho trạng thái của thị trường trở nên bớt tiêu cực hơn. Mặc dù rủi ro rung lắc sẽ sớm gia tăng quanh ngưỡng 125x tương ứng với đường MA100, VNIndex được kỳ vọng có thể hướng lên vùng 1270 trước khi gặp áp lực điều chỉnh trở lại.
- NĐT được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng trong các nhịp hồi sớm và khống chế tỷ trọng ở mức an toàn, tương ứng với mức độ chấp nhận rủi ro.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1286 - 1290

Kháng cự gần: 1278 - 1281

Hỗ trợ gần: 1264 - 1267

Hỗ trợ xa: 1252 - 1255

- Sau nhịp tăng điểm giảm co trong biên độ hẹp, F1 bất ngờ lao dốc trong phiên trước khi sớm hồi phục và bật tăng mạnh về cuối phiên.
- Vùng hỗ trợ gần quanh 125x đã cho phản ứng giúp cho trạng thái thị trường trở nên bớt tiêu cực hơn. F1 được kỳ vọng có thể hướng lên vùng 128x, tương ứng với đường MA100 trước khi gặp áp lực điều chỉnh trở lại.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở SHORT tại các vùng kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở SHORT tại các vùng kháng cự.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

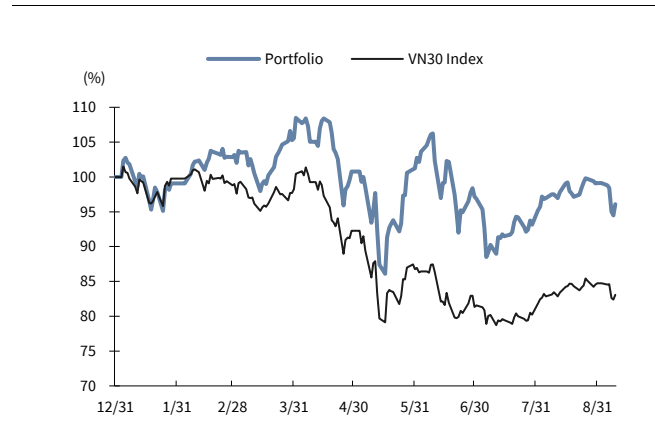
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.80%	1.68%
Tăng lũy kế (YTD)	-16.93%	-3.92%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 09/09/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	72,000	0.7%	85.1%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đạt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	24,500	2.5%	-16.1%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	111,800	-0.6%	46.8%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	176,500	-0.5%	-7.6%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	84,900	4.4%	175.0%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	84,300	0.0%	247.5%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	26,850	0.0%	42.0%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	114,000	2.0%	52.3%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	23,800	3.0%	107.5%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	31,600	5.3%	192.0%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	3.0%	20.4%	140.7
VIC	2.4%	12.2%	43.3
VND	2.0%	18.7%	25.9
VNM	0.3%	54.9%	25.2
VHC	2.6%	27.8%	22.9

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
STB	-0.6%	22.9%	-65.1
KDH	0.0%	31.8%	-18.5
SSI	0.7%	35.2%	3.2
DGC	1.8%	13.2%	-26.1
FUEVFVND	0.9%	97.0%	-33.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
MBS	1.1%	0.6%	0.9
TV4	0.0%	0.6%	0.7
VCS	0.0%	2.9%	0.7
PVS	6.8%	10.0%	0.6
PVI	0.5%	58.6%	0.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
BCC	-1.4%	1.7%	-2.5
IDC	2.8%	0.2%	-2.4
SHS	0.8%	8.4%	-0.3
DL1	0.0%	3.4%	-0.2
TTT	-6.9%	2.5%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Cung cấp và dịch vụ thương mại	13.9%	TLG, ILB, APC, ST8
Kim loại & khai thác	3.4%	HPG, HSG, NKG, KSB
Đồ uống	3.0%	SAB, BHN, SMB, SCD
Tiện ích điện	2.9%	PGV, NT2, PPC, TTA
Sản xuất điện	2.7%	POW, VSH, GEG, TMP

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Máy móc	-7.6%	TCH, HHS, SRF, SHA
Sản phẩm xây dựng	-7.5%	VGC, BMP, SHI, DAG
Ngành chưa phân loại	-7.3%	CKG, PSH, NHH, ABS
Ngân hàng	-5.3%	VCB, BID, VPB, TCB
Chứng khoán	-5.2%	SSI, VND, HCM, VCI

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Cung cấp và dịch vụ thương mại	21.9%	TLG, ILB, APC, ST8
Bán lẻ hàng chuyên dụng	13.7%	MWG, FRT, CTF, HAX
Thực phẩm	7.0%	VNM, MSN, KDC, VHC
Đồ uống	6.8%	SAB, BHN, SMB, SCD
Sản phẩm xây dựng	6.4%	VGC, BMP, SHI, DAG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Máy móc	-9.5%	TCH, HHS, SRF, SHA
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-9.1%	TNH, JVC, VMD
Hàng hải	-6.8%	VSC, VOS, SKG, VTO
Thương mại & phân phối	-5.6%	VPG, TSC, BTT, TNA
Chứng khoán	-5.4%	SSI, VND, HCM, VCI

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	80,553 (3.4)	22.5	27.8	40.4	14.7	7.6	5.4	2.3	2.1	2.4	1.1	-1.4	-32.3
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	112,628 (4.8)	26.6	8.6	6.9	35.9	21.2	22.0	1.7	1.5	0.5	-1.8	-1.6	-27.0
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	43,693 (1.9)	17.8	25.7	18.3	-7.6	7.6	9.9	2.0	1.9	0.4	-0.7	-3.7	-8.6
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	251,960 (10.7)	31.3	28.6	24.7	6.7	16.4	16.7	4.2	3.6	-0.4	3.4	1.7	-6.9
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	35,297 (1.5)	11.6	18.0	16.7	13.7	13.0	12.8	2.1	1.9	0.0	-4.1	-7.4	-23.4
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	281,879 (12.0)	13.9	15.1	13.8	-	11.5	11.2	-	-	3.3	-4.9	-6.7	-28.0
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	94,478 (4.0)	6.3	13.8	11.5	11.7	21.8	22.5	2.7	2.2	1.0	-6.2	-2.5	0.0
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	66,223 (2.8)	12.7	13.4	10.3	-5.3	17.4	19.9	1.9	1.6	0.8	-7.5	-4.3	-0.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	137,604 (5.9)	0.0	6.0	5.2	14.3	21.1	20.1	1.2	0.9	0.7	-3.3	-3.8	-24.7
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	104,682 (4.5)	1.4	6.9	5.5	50.3	19.7	22.1	1.2	1.1	0.0	-5.0	-6.8	-20.8
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	416,859 (17.8)	0.0	7.1	7.0	18.8	20.9	17.3	1.3	1.1	2.0	-4.1	0.8	-14.8
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	226,386 (9.7)	0.0	6.1	5.2	14.6	24.5	23.6	1.3	1.0	-0.4	-4.4	-0.4	-5.7
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	72,546 (3.1)	4.2	6.4	5.5	23.3	23.7	21.7	-	-	1.2	-3.4	2.6	-16.4
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	281,092 (12.0)	14.0	10.5	4.6	26.5	12.0	21.2	1.2	1.0	-0.6	-4.2	-5.9	-24.6
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	43,928 (1.9)	0.0	6.9	5.3	37.4	21.6	22.0	1.3	1.1	0.4	-3.6	-5.6	-34.2
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	10,472 (0.4)	0.2	-	-	27.3	10.8	-	-	-	-0.2	0.8	1.3	-9.2	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	77,696 (3.3)	21.0	19.8	16.1	15.8	9.9	11.5	1.8	1.8	1.1	-3.2	-2.9	1.1
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	11,336 (0.5)	14.2	15.5	13.9	9.1	12.8	13.6	1.7	1.6	1.5	2.0	4.6	-28.9
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	459,833 (19.6)	55.4	13.3	12.2	-3.2	11.8	12.1	-	-	0.7	-7.5	-	-54.4
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,154	9,108 (396)	255,246 (10.9)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	1.1	-0.3	1.9	-33.9
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	210,479 (9.0)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	2.6	-2.7	-5.9	-44.2
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	439,183 (18.7)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	2.0	-6.0	-9.5	-38.7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	204,823 (8.7)	42.1	18.1	16.2	4.0	27.4	29.6	4.7	4.5	0.3	0.5	5.4	-12.2
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	26,794 (1.1)	36.9	25.0	21.5	7.3	22.3	22.9	5.1	4.5	1.1	3.1	7.5	28.3
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	71,214 (3.0)	16.5	29.5	21.1	-51.9	14.9	17.9	4.3	3.7	1.0	1.4	10.4	-18.5
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	74,948 (3.2)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	2.2	10.8	11.8	-50.8
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	72,300 (3.1)	11.0	-	-	-88.5	7.6	18.1	-	-	2.6	-3.0	-6.6	-8.0
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	52,313 (2.2)	10.8	16.8	14.9	-57.0	13.7	14.1	2.2	2.0	3.1	-2.6	-5.5	4.7
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	193,516 (8.3)	38.4	7.8	41.8	65.7	14.3	2.4	1.0	1.0	5.6	-4.8	7.3	-51.2
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	37,515 (1.6)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	1.2	-81.5
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	261,695 (11.2)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	3.8	-3.3	-3.1	-42.3
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	51,290 (2.2)	3.6	271.3	13.0	-52.4	0.2	4.6	-	-	1.6	-5.8	6.7	-37.8
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	98,788 (4.2)	0.0	12.4	11.9	-4.5	16.0	14.8	1.8	1.6	4.4	-1.4	5.6	41.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	58,648 (2.5)	46.1	15.2	16.2	-17.5	24.9	21.3	3.7	3.4	2.0	-2.6	1.8	18.5
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	43,762 (1.9)	31.4	11.4	11.1	-10.5	18.2	16.8	1.8	1.7	7.0	6.6	9.6	10.8
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,095 (0.1)	34.1	21.1	9.5	-5.1	4.7	9.9	1.2	1.1	0.0	-1.6	-0.6	-25.6
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	611,076 (26.1)	18.0	5.7	4.9	21.9	22.9	22.7	1.2	1.0	3.0	3.5	-1.2	-33.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	178,434 (7.6)	36.5	4.5	7.1	-0.5	40.0	22.4	1.6	1.4	3.3	-1.5	10.3	7.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	202,579 (8.6)	46.5	6.6	9.5	-4.5	38.3	22.2	-	-	3.8	2.1	15.0	4.4
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	284,036 (12.1)	38.9	7.8	6.4	67.9	12.3	13.4	0.9	0.8	3.4	3.4	4.6	-42.5
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	49,657 (2.1)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-0.4	-5.4	11.4	-44.1
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	67,401 (2.9)	4.6	26.7	14.5	-51.0	5.8	10.8	2.1	2.0	1.0	-4.7	-4.5	-25.4
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	228,258 (9.7)	39.9	155.5	20.1	-11.9	0.3	4.2	0.8	0.8	6.8	-1.0	15.5	-8.7
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	60,648 (2.6)	35.9	8.6	8.1	2.2	15.3	15.5	1.3	1.1	3.3	0.7	3.8	-8.9
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	284,095 (12.1)	0.0	18.1	13.9	14.4	25.3	27.2	3.4	2.8	0.7	-2.7	13.7	6.0
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	65,251 (2.8)	0.0	15.4	13.4	2.4	25.3	22.5	3.1	2.6	-0.6	-2.6	-4.2	16.2
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	3,217 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-3.4	-7.9	19.1	-22.0
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	173,784 (7.4)	30.3	18.6	15.4	-75.2	26.8	25.4	4.4	3.4	2.3	-3.1	10.1	32.0
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	63,703 (2.7)	34.6	9.6	13.0	41.2	30.4	148.1	2.4	2.0	2.3	-3.7	-1.2	-4.6
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	758 (0.0)	45.4	13.6	12.4	10.7	22.2	21.7	-	-	0.0	-0.8	-2.2	-20.1
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	135,328 (5.8)	0.0	17.2	14.0	15.5	29.3	28.5	4.3	3.4	0.0	-2.7	-2.2	8.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu – Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Chuyên viên cao cấp
tungna@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy – Chuyên viên phân tích
huynd1@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann@kbsec.com.vn

Dầu khí & Tiện ích

Tiêu Phan Thanh Quang – Chuyên viên phân tích
quangtpt@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Lê Hạnh Quyên – Chuyên viên phân tích
quyenlh@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Hóa chất

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congth@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Thủy sản & Dệt may

Trần Thị Phương Anh – Chuyên viên phân tích
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.